

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH
Số tuần: 4 tuần, từ ngày 21/10/2024 – 15/11/2024
Lớp ghép 3,4 ,5 tuổi

Stt	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	ĐC BS
			Chung	Riêng		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất						
1) Phát triển vận động						
a) Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp						
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Co và duỗi tay/ từng tay kết hợp kiễng chân 5T ` Nghiêng người sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.		* HD học: TDS: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Co và duỗi tay/ từng tay kết hợp kiễng chân. ` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu. - Lưng, bụng, lườn: ` Nghiêng người sang trái, sang phải, 5T: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. , sang trái) - Chân: Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. ` Nâng cao	
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu. ` Nâng cao chân, gập gối ` Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.		
3	5	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp				

					chân, gập gối	
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - ` Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).		` Đi trong đường hẹp. (3)	* HD học - 3 tuổi: Đi trong đường hẹp. - 4, 5 tuổi: Đi trên ghế thể dục	
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục.				
6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.				
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: - ` Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	* 3,4T: ` Tung bắt bóng với (cô bằng 2 tay (3T); Người đối diện) (4T). (3)		* HDH: - 3-4 Tuổi : Tung bắt bóng với (cô bằng 2 tay (3T); Người đối diện) (4T). - 5 tuổi: “Bắt và ném bóng với Người đối diện (khoảng cách xa 4m)	
11	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: - ` Tung bắt bóng với người đối diện				

		(cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).				
12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4		- Bắt và ném bóng với Người đối diện (khoảng cách xa 4m).(3)		
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò dích dắc	3+4+5T: - Bò dích dắc 3T(quá 5 điểm 4T(quá 7 điểm 5T) (3)		* HDH: - Bò dích dắc 3T(quá 5 điểm 4T(quá 7 điểm 5T) - Bật xa (3 tuổi: 20-25cm ; 4 tuổi: 35-40cm; 5 tuổi: 40-45cm)	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - ` Bò trong đường dích dắc (3 - 5 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	3+4+5T: ` Bật xa (3 tuổi: 20-25cm ; 4 tuổi: 35-40cm; 5 tuổi: 40-45cm) (3)			
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Bò vòng qua 5-7 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng				

		yêu cầu.				
c. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng 1 số đồ dùng						
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau	` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. ` Đan, tết.	* HĐ chơi: - Chơi trò chơi ở các góc chơi + Góc âm nhạc: Vận động múa theo các bài hát trong chủ đề. + Góc tạo hình: Chơi với các ngón tay, nặn một số đồ dùng trong gia đình		
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... ` Gập giấy			
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ nắn.			
2) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe						
a. Nhận biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe						
25	3	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.	* HĐ ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân trẻ: - Giờ ăn: + Giới thiệu tên món ăn quen thuộc và giá trị dinh dưỡng + Nhắc nhở trẻ ăn vừa đủ		
26	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.			
27	5	và dạng chế	` Làm quen với một số			

		biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. ` Nhu cầu của bản thân sử dụng thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí, tiết kiệm thức ăn, không kén chọn thức ăn	các loại thực phẩm tránh lãng phí, tiết kiệm thức ăn, không kén chọn thức ăn	
b. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt					
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống	* HD ăn, ngủ vệ sinh: - Giờ ăn: + Hướng dẫn trẻ cầm thìa xúc ăn đúng cách. Trò chuyện ăn uống văn minh, lịch sự: Ăn không để rơi vãi cơm... + Thực hành cầm bát, thìa ăn	
35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			
36	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	* HD ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Giờ ăn: ` Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Uống nước đã đun sôi... Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống	
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống			

		nước lã.		chất để phòng chống các bệnh chuyên nhiễm theo mùa.	
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quả vật ngải đường			
43	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	* HĐ chơi - Trò chuyện, xem tranh, ảnh , tranh cảnh báo nguy hiểm; những vận dụng nguy hiểm đến tính mạng con người như: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, doa, kéo...là nguy hiểm không đến gần.	
44	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.			
45	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và			

		nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
49	3	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>` Không tự lấy thuốc uống. ` Không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>` Không nghịch các vật sắc nhọn. ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.	* HĐ chơi: Chơi HĐ theo ý thích: ` Trò chuyện, xem tranh ảnh về một số hành động liên quan đến hoạt động ăn uống. những hành động nguy hiểm khi tự ý lấy thuốc uống</li> <li>` Xem video tranh ảnh một số tình huống không theo người lạ., leo trèo lan can.. *HĐ ăn ngủ vs:	
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: ` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>` Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia,		- Giờ ăn: ` Trò chuyện cách ăn uống văn minh, không cười đùa trong khi ăn uống.</p> <p>` Không ăn các thức ăn có mùi ôi, thiu,... * HĐ chơi - Giờ đón trẻ: ` Trò chuyện,	

		cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. ` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		xem tranh ảnh, tranh cảnh báo nguy hiểm; những hành động nguy hiểm khẩn cấp cần gọi người giúp đỡ.	
51	5	` Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... ` Biết không tự ý uống thuốc. ` Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.		` Xây dựng góc tuyên truyền những trường hợp khẩn cấp cần người giúp đỡ. - Trò chuyện cùng trẻ về một số thông tin của người thân trẻ (địa chỉ, số điện thoại,...)	
52	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi	` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ  ` Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	* HĐ chơi: - Giò đón trẻ: ` Trò chuyện, xem tranh ảnh, tranh cảnh báo nguy hiểm; những hành động nguy	

		xuống nước, ngã chảy máu. ` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.		hiếm khăn cấp cần gọi người giúp đỡ. ` Xây dựng góc tuyên truyền những trường hợp khăn cấp cần người giúp đỡ: Tranh về cháy, rơi xuống nước, bạn bị ngã chảy máu...	
53	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. ` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khăn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...          ` Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo ` Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người		- Trò chuyện cùng trẻ về một số thông tin của người thân trẻ (địa chỉ, số điện thoại,...)	

		thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.				
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
a) Khám phá khoa học						
* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng						
58	3	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	* 4-5 Tuổi: ` Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. ` Một số Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	` Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	* HĐ chơi: - HDG: Góc nấu ăn: Sử dụng các đồ dùng để ăn, uống để chơi nấu ăn... - Chơi HĐ theo ý thích: Cô cho trẻ xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về gia đình của trẻ. - Chơi ngoài trời: ` Chơi với các đồ chơi ngoài trời, các vật liệu thiên nhiên: cát, sỏi, lá cây, hạt...  ` Trải nghiệm: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	
59		Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.				
60		Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.				
63		Trẻ biết làm				

		thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.				
64	4	Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.				
65		Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.				
68	5	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước				

		và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.				
69		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.				
70		Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát				
71	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (theo một dấu hiệu nổi bật ; 1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu)		* HĐH: - Phân loại một số đồ dùng trong gia đình (bằng sứ, bằng nhựa, bằng gỗ,...). * HĐC: Chơi HĐ theo ý thích - Chơi trò chơi: Thi ai chọn đúng * TCM: - Người mua sắm giỏi - Có bao nhiêu đồ vật.	
71	4	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.				
73	5	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.				

76	4	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	- ` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		* HĐ chơi: - Chơi HĐ theo ý thích: Quan sát, trò chuyện một số đồ dùng, đồ chơi trong gia đình	
77	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.				

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

*** Nhận biết số đếm, số lượng**

83	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và số đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	* 3, 4,5 T: ` Đếm trên đôi tượng/đếm trong phạm vi (3:7) và đếm theo khả năng. * 3,4 T: ` Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi		* HĐH: - Nhận biết số lượng trong phạm vi 7, nhận biết số 7 * HĐC: Chơi HĐ theo ý thích: Cho trẻ chơi trò chơi: Hãy tìm đúng chữ số.	
84		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 3.				
85		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong				

		phạm vi 3 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
86	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...				
87		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 7.				
88		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.				
89	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		
90		Trẻ biết đếm				

		trên đối tượng trong phạm vi 7 và đếm theo khả năng.				
91		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.				
92	4	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	` Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5;10)		* HDC: Chơi ở các góc: Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 7	
93	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.				
94	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3.	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		* HĐH: Tách, gộp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 7 * Hoạt động chơi: - Chơi trong giờ học: Trò chơi: “kết nhóm”	
95		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3 thành hai				

		nhóm.				
96	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 3, đếm và nói kết quả.				
97		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.				
98	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 và đếm.	` Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.			
99		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 7 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.				
118	5	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.		` Gọi tên các thứ trong tuần (3); các mùa trong năm(9)	* HĐC: - HĐ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. Các thứ trong tuần; các mùa trong năm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	
C) Khám phá xã hội						
124	3	Trẻ nói được	*3,4,5T:		* HĐH:	

		tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.	` Tên/họ tên, công việc/nghề nghiệp của bố mẹ; Các thành viên trong gia đình; Địa chỉ gia đình		Bé và những người thân trong gia đình bé	
125		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	*4,5 T: ` Một số		*HDC: Chơi HĐ theo ý thích: Cho trẻ chơi trò chơi: Gia đình của bé	
126	4	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	nhu cầu/Nhu cầu của gia đình.		*TCM: - Gia đình gấu - Nhà bé ở đâu	
127		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.				
128	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.				
129		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình				

		(Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.				
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ						
1. Nghe hiểu lời nói						
149	3	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống...	` Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc		* HĐC: - Trò chuyện, xem tranh ảnh, lô tô về đồ dùng trong gia đình. - Cho trẻ nói khái quát các từ: Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống...	
150	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Đồ dùng để ăn, đồ dùng để uống...	` Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.			
151	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.			
152	3	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4,5 T: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng (câu phức 4,5T) - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc		* HĐC: - Kể chuyện cho trẻ nghe: Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn - HĐ chơi chiều: Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ,	
153	4	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.				
154	5					

		Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với		câu đố, hò, vè về chủ đề: Bài thơ “ Làm anh”, truyện “Ai đáng khen nhiều hơn”	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày						
155	3	Trẻ nói rõ các tiếng	` Phát âm các tiếng (3T: của tiếng việt; 4T: có chứa các âm khó; 5T: có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu) * 3,4 T: Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" (4T:"Để làm gì?")		* Hoạt động chơi: `Chơi ở góc học tập:</b> `Hướng dẫn trẻ phát âm các từ khó về gia đình, đồ dùng, khi cho trẻ tham gia các hoạt động. * HĐ học - Giờ văn học: Nghe hiểu và trả lời câu hỏi theo yêu cầu. - TCTV: Ngôi nhà để ở Cái gạo để mức nước... Bát con, thìa, đĩa.	
156		Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...				
157	4	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.				
158		Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...				
159	5	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.		` Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà		
160		Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc				

		điểm...phù hợp với ngữ cảnh.		có?". ` Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".		
161	3	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (3T: câu đơn mở rộng: 4T: câu đơn ghép)		* HĐ chơi ` Giờ đón trả trẻ: ` Trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình. * HĐ ăn ngủ, vệ sinh: ` Giờ vệ sinh: - Trẻ biết nói nhu cầu của bản thân: Con muốn đi vệ... * Giờ Ăn : - Con xin cô bát canh...	
162	4	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.				
163	5	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.			
167	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		* HĐ học: - Thơ: Làm anh (người lớn, đồ đạc, dịu dàng,...) * Hoạt động chơi: ` Hoạt động chơi theo ý thích: -Truyện kể: Bác sỹ chim. ` Đồng dao: Công cha như núi thái sơn,... ` Câu đố về	
168	4					
169	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.				
170		Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao,				

		đồng dao..			ngành nghề,...	
171	3	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.		* HĐ học: - LQVVH: Kể truyện: "Ai đáng khen nhiều hơn" (10 bông hoa, đẹp nhất, đầy giỏ nấm,...) * HĐ chơi: `Chơi HĐ theo ý thích: ` Trò chuyện xem tranh ảnh, nghe kể chuyện: "Bác sỹ chim"	
172	4	Trẻ kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.				
173	5	Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định				

3. Làm quen với việc đọc viết

190	3	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	* 3,4T: ` Mô tả sự vật, tranh ảnh/ hiện tượng (Có sự giúp đỡ 3T)		* HĐ chơi: ` Chơi HĐ theo ý thích: - Trẻ nhìn tranh minh họa và đọc theo tranh truyện: Ai đáng khen nhiều hơn	
191	4	Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.				
192	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		` Kể truyện theo đồ vật, theo tranh		
195	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	* 4,5T: ` Nhận dạng (4T: một số chữ	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	* HĐ học: ` LQCC: e, ê, u, ư Tập tô: ê, ê, u, ư * HĐ chơi: - Chơi HĐ theo ý thích:	
196	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên những người				

		thân trong gia đình....	cái, 5T: các chữ cái).		` Làm album, viết ký hiệu những người thân trong gia đình	
197	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	` Tập tô, tập đồ các nét chữ.	` Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	` Trò chuyện nhận dạng chữ cái e, ê ` Tạo chữ cái bằng các nguyên liệu: dây len, vòng... ` Tô chữ cái trên sân trường.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
200	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ. - Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ bản thân	* 3,4T: ` Tên, tuổi, giới tính - Chăm sóc, bảo vệ bản thân		* HDH: Bé và những người thân trong gia đình bé * HDC: - Chơi HD theo ý thích: `Trò chuyện xem tranh về các thành viên trong gia đình	
201	5	Trẻ biết được giới tính và các vùng riêng tư của bản thân, biết cách bảo vệ cơ thể không bị xâm hại			- Giờ đón trả trẻ: ` Trò chuyện cùng trẻ về vị trí của trẻ ở gia đình.	
		Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức)		

207	5	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.	` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	* HĐ chơi: ` Giờ đón trả trẻ:</p> <p>Trò chuyện cùng trẻ về vị trí của trẻ ở gia đình.</p> <p>` Giờ lao động: - Lau đồ dùng đồ chơi ở các góc. - Trẻ biết cất gọn đồ dùng đúng nơi qui định,... *HĐ chơi: - Trẻ chơi ở các góc chơi, chơi ngoài trời (trẻ hợp tác trong nhóm chơi, giúp đỡ bạn chơi,...) *HĐ chơi: - Chơi HĐ theo ý thích: Nhận biết một số cảm xúc vui, buồn, giận dữ qua trò chơi: Giương mặt của bé - Trò chuyện xem tranh ảnh, video một số cảm xúc. Chơi trong giờ HDG: + Góc NT: Tô màu những
208		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	
209		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		
210		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	

					khuôn mặt, biểu cảm(Vui, buồn, tức giận...)	
217	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói (4 tuổi tranh ảnh ; 5 tuổi tranh ảnh/ âm nhạc)		* HĐC: - Đón trẻ : ` Xem tranh ảnh một số cảm xúc vui, buồn, giận dữ, sợ hãi. - Chơi HĐ theo ý thích: - TC: Bé nào thích cười. ` Khuyến khích trẻ biểu lộ cảm xúc của mình khi xem tranh ảnh và trò chuyện về người thân trong gia đình: Con thích mẹ nhất, con thích chơi với bạn A...	
218	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.				
219	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.				
220	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	* 4,5 T: ` Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. ` Yêu mến	* HĐC: - Giờ đón trả trẻ: Cô trò chuyện với trẻ và trẻ biết nói sở thích của bản thân khi được hỏi - Chơi góc phân vai: Trẻ	

				bố, mẹ, anh, chị, em ruột	biết động viên nhau, an ủi, chia sẻ với bạn trong khi chơi	
221	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		
222	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		
223		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		` Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.		
224		<i>Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân(CS29)</i>		` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân		

233	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	* 3, 4, 5T: ` Một số quy định ở lớp và gia đình (và nơi công cộng 5 tuổi). (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường 4,5T).</p> <p>` Nhận biết/ Phân biệt/Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu".	* HĐ chơi: - Giờ đón trả trẻ: ' Cô nhắc trẻ cất đồ dùng cá nhân vào tủ. - Góc PV: Lớp học, cô giáo, bán hàng. - Sắp xếp, cất đồ chơi sau khi chơi.	
234	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	* 3,4T: ` Chờ đến lượt (hợp tác 4T).		
235	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
256	4	Trẻ biết không để tràn nước	* 4,5T: ` Tiết kiệm điện, nước.	* HĐC:	

		khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng		- Giờ đón trả trẻ: Cô trò chuyện, nhắc nhở trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	
257	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

265	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)	` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	* HD học - Âm nhạc. ` Nghe hát: Ba ngọn nến lung linh , chỉ có một trên đời          ...  <b>*HDC</b>          - Góc âm nhạc:          ' Nghe, hát, múa một số bài hát về gia đình: Niềm vui gia đình...          - Giờ đón trẻ:          ` Xem video bài hát: Cả nhà thương nhau, múa cho mẹ xem,... ` TC: Thỏ nghe hát nhảy vào chuồng, vũ điệu hóa	
266	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.				
267	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc		` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha		

		lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		thiết) của các bài hát, bản nhạc.	đá, đoán tên bạn hát.	
268	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	` 3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát ` 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		* HĐH DH: Cả nhà thương nhau * HĐC: - Trẻ nghe các bài hát trong chủ đề	
269	4	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...				
270	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...				
271	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	` 4-5T: Vận động nhịp nhàng theo	` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	* HĐ học - DVD: Bài hát: Múa cho mẹ xem - Biểu diễn văn nghệ	
272	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu				

		các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. ` 3-4-5T:			
273	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp (3T); tiết tấu (4-5T).	` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		
277	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.			* HD học: Tạo hình: - Nặn cái bát - Xé dán ngôi nhà - Vẽ người thân trong gia đình * HD chơi: - Chơi ở các góc: + Góc tạo hình: - Vẽ ngôi nhà, vẽ cái bát, vẽ chân dung người thân, chân dung cô giáo... - Xé dán ngôi nhà, đồ dùng gia đình,... - Xếp hình ngôi nhà... ` Làm album về gia đình. - Chơi ngoài	
278		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.				
279		Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.				
280		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác,				

		chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.			trời. ` Xé lá cây, giấy để tạo hình người, nhà,...	
281		Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.			- Cắt dán ngôi nhà....	
282		Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.				
283	4	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.		Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.		
284		Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.				
285		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ có kỹ năng làm việc nhóm: hợp tác, chia sẻ và giúp đỡ nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung.		Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.		

286	5	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.				
287		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.				
288		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.				
289	3	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.			* Hoạt động học, hoạt động chơi:	
290	4	Trẻ biết nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	` Nhận xét sản phẩm tạo hình; nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, (bố cục 5T)		- Nhận xét các sản phẩm trong hoạt động học tạo hình, hoạt động chơi về vẽ, tô màu, xé dán, nặn,...	
291	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.				
292	3	Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		` Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	* HDH: - Âm nhạc: + VĐ: Bài hát: Múa cho mẹ xem. + Biểu diễn âm nhạc	
293	4	Trẻ biết lựa chọn và thể		` Lựa chọn, thể hiện các	- Trẻ chọn các dụng cụ âm	

		hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		hình thức vận động theo nhạc. ` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	nhạc để vận động phù hợp. * HĐ chơi: - Chơi ngoài trời: Trẻ sáng tạo với các dụng cụ khác có thể vận động được theo các bài hát, bản nhạc trẻ thích.	
294		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.				
295	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.		` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).		
296		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.				
297	3	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		` Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	* HĐC: - Góc tạo hình, góc sáng tạo... - HĐ chơi	
298	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	theo ý thích: + Trẻ sáng tạo ra sản phẩm yêu thích của mình + Trẻ nói lên ý tưởng của mình.	
299	5	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù		

				hộp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
300	3	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.		* HĐ học: giờ tạo hình: - Trẻ đặt tên cho các sản phẩm của mình trong các giờ hoạt động như: xé dán ngôi nhà, nặn cái bát... * HĐC: Các giờ chơi ở các góc sáng tạo, góc tạo hình....	
301	4					
302	5					

KẾ HOẠCH TUẦN CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH

Thời gian thực hiện: 4 tuần, từ ngày 21/10/2024 – 15/11/2024

Tuần \ Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tuần 1: Ngôi nhà thân yêu của bé Từ 21/10-25/10/2024)	- 3 tuổi: Đi trong đường hẹp. - 4, 5 tuổi: Đi trên ghế thể dục	Xé dán ngôi nhà	- LQCC: e, ê	- Thơ: Làm anh (người lớn, dỗ dành, dịu dàng,...)	- DH: Cả nhà thương nhau - NH: Ba ngọn nến lung linh - TC: Vũ điệu hóa đá.
	HĐNT: QS Thiên nhiên thời tiết	HĐNT: QS Vật chìm vật nổi	HĐNT: Nhặt lá	HĐNT: QS cây hoa cánh bướm	HĐNT: QS sự thay đổi của cây
	- TCTV: Cái nôi, cái	TCM: Gia đình gấu	- TCTV: Bát con, cái		

	chảo, cái muôi.		thìa, cái đĩa.		
Tuần 2: Những người thân trong gia đình Từ 28/10- 01/11/2024	- 3- 4 Tuổi : Tung bắt bóng với (cô bằng 2 tay (3T); Người đối diện) (4T). - 5 tuổi: “Bắt và ném bóng với Người đối diện (khoảng cách xa 4m)	Bé và những người thân trong gia đình bé	Vẽ người thân trong gia đình	- Nhận biết số lượng trong phạm vi 7, nhận biết số 7	Tập tô cc: e, ê
	HĐNT: QS sự thay đổi của cây	HĐNT: QS vật gì tan trong nước	HĐNT: Lau lá	HĐNT: QS Cây hoa hồng	HĐNT: QS Thiên nhiên thời tiết
	- TCTV: Ngôi nhà, cái gáo, cái phích	- TCM: Nhà bé ở đâu	- TCTV: Giường, tủ, bếp.		
Tuần 3: Đồ dùng trong gia đình bé. Từ 04/11- 08/11/2024	- 3T: Bò dịch dắc - 4T: Bò dịch dắc qua 5 điểm - 5T: Bò dịch dắc qua 7 điểm	- Phân loại một số đồ dùng trong gia đình (bằng sứ, bằng nhựa, bằng gỗ,...).	Nặn cái bát	Làm quen cc: u, ư	- DVD: Múa cho mẹ xem - NH: Chỉ có một trên đời. - TC: Thỏ nghe hát nhảy vào chuồng.
	HĐNT: QS sự thay đổi	HĐNT: QS cây hoa	HĐNT: QS vật chìm –	HĐNT: nhật lá	HĐNT: QS thiên nhiên

	của cây	bóng nước	nổi.		thời tiết.
	- TCTV: Đôi đũa, cái cốc, bát to.	- TCM: Người mua sắm giỏi	- TCTV: Đá bóng, tung bóng, ném bóng.		
Tuần 4 : Đồ dùng trong gia đình bé. từ ngày: 11/11- 15/11/2024	- Bật xa (3 tuổi: 20- 25cm ; 4 tuổi: 35- 40cm; 5 tuổi: 40- 45cm)	Tách, gộp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 7	Dạy trẻ kể chuyện: Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn (10 bông hoa, đẹp nhất, đầy giỏ nậm,...)	Tập tô chữ cái u, ư	- Biểu diễn văn nghệ. - NH: Ba ngọn nến lung linh, Chỉ có một trên đời. - TC: Đoán tên bạn hát.
	HĐNT: Quan sát sự thay đổi của cây	HĐNT: Quan sát: Vật chìm nổi	HĐNT: Quan sát cây hoa ngọc thảo	HĐNT: Quan sát Cây hoa cúc	HĐNT: Quan sát thiên nhiên thời tiết
	Trạm xá, ống nghe, kim tiêm.	TCM: Có bao nhiêu đồ vật	Cái chậu, cái xô, cái rổ.		

NGƯỜI LẬP

TỔ CHUYÊN MÔN

BGH NHÀ TRƯỜNG

Tòng Thị Thương

Ngô Thị Hiền

Nguyễn Thị Hiền